

Số: **53** /TB-ĐGS

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2017

THÔNG BÁO

Về đề cương báo cáo phục vụ đợt giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018 và Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Đoàn giám sát thông báo đến các đơn vị chịu sự giám sát nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo về công tác quản lý nhà nước về đất đai, gồm có:

1. Đề cương báo cáo của UBND tỉnh;
2. Đề cương báo cáo của UBND huyện, thị xã, thành phố;
3. Đề cương báo cáo của UBND xã, phường, thị trấn;
4. Đề cương báo cáo của các doanh nghiệp Nhà nước, nông lâm trường được giao quản lý, sử dụng đất công.

Đề nghị các đơn vị chịu sự giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương, gửi về Đoàn giám sát theo địa chỉ: Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương và hoặc gửi tập tin (*.doc và *.pdf) theo địa chỉ vphdnd@binhduong.gov.vn. Thời gian gửi **chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 năm 2018** ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên của TT HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Đại diện cơ quan tham gia Đoàn Giám sát;
- Các đơn vị chịu sự giám sát;
- LDVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND
Huỳnh Thành Long



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI

*Ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)*

I. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

1. Công tác triển khai, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai

a) Việc chỉ đạo triển khai, tổ chức thi hành Luật đất đai năm 2013

- Kết quả tổ chức triển khai thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản dưới Luật.

- Các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để thực hiện Luật đất đai năm 2013 (*Có phụ lục cụ thể danh mục văn bản đã ban hành*).

- Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, cho các tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh (*Nêu rõ các hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến; đối tượng được tuyên truyền, phổ biến*).

2. Công tác chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước về đất đai

a) Công tác lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a.1. Kết quả thực hiện của việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Trong đó cần nêu rõ:

- Kết quả lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh;

- Việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở các cấp.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm từ năm 2015 đến nay.

- Kết quả lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện danh mục dự án, công trình thu hồi đất trong các năm 2015, 2016, 2017;

- Kết quả thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, hủy bỏ các dự án, công trình đã quá 3 năm nhưng chưa thực hiện ở địa phương theo quy định của Luật đất đai năm 2013;

- Thực trạng tình hình các dự án khu dân cư do doanh nghiệp, tư nhân đầu tư nhưng triển khai chậm tiến độ trên địa bàn (dự án, diện tích, tiến độ thực hiện đến nay so với tiến độ của dự án, nguyên nhân);

- Thực trạng đất nông nghiệp bỏ hoang, không canh tác trên địa bàn (diện tích, nguyên nhân);

- Tình hình quản lý, sử dụng đất đai và công trình trụ sở của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sau khi dời vào tòa nhà trung tâm hành chính;

- Kết quả việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

a.2. Đánh giá tình hình thực hiện: Cần đánh giá những mặt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trong đó chú trọng đánh giá về các nội dung sau đây:

- Việc chấp hành quy định trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5 năm và hàng năm của tỉnh (tiến độ, quy trình thực hiện; việc lấy ý kiến nhân dân);

- Về tính thống nhất của các chỉ tiêu kế hoạch so với quy hoạch sử dụng đất; về tính thống nhất của các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất so với cấp trên;

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt (số lượng dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất thực tế đã thực hiện so với quy hoạch, kế hoạch). Qua đó, nhận xét về tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Về công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt.

b) Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

- Kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/7/2014 đến nay;

- Kết quả thu hồi đất: Bao gồm việc thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án và thu hồi đất do vi phạm Luật Đất đai;

- Đánh giá tình hình thực hiện: Những mặt làm được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

c) Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

- Tình hình và kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Trong đó nêu rõ: Số lượng dự án, công trình đã thu hồi đất, diện tích đất thu hồi theo quyết định; diện tích đất đã thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Đánh giá những mặt làm được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

d) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

- Tình hình thực hiện và kết quả đạt được của hoạt động thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng đất đai đã thực hiện theo Luật đất đai năm 2013 (tính từ 01/7/2014 đến nay). Trong đó cần nêu rõ: Nội dung thanh tra, kiểm tra; số đợt thanh tra, kiểm tra; số tổ chức được thanh tra, kiểm tra; số tổ chức có vi phạm; mức độ vi phạm theo từng loại hành vi;

- Kết quả giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai;

- Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai;
- Đánh giá những mặt làm được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

đ) Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

- Kết quả giải quyết tranh chấp đất đai: Số lượng đơn tiếp nhận, số đơn đã giải quyết xong; số đơn đang giải quyết; số đơn chưa giải quyết;

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai: số lượng đơn tiếp nhận, số đơn đã giải quyết xong; số đơn đang giải quyết; số đơn chưa giải quyết;

- Báo cáo rõ về các trường hợp tranh chấp, khiếu nại, tố cáo phức tạp, giải quyết chưa xong.

3. Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai

a) Về đăng ký, lập hồ sơ địa chính; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

- Kết quả đăng ký, lập hồ sơ địa chính;

- Kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh;

- Đánh giá kết quả thực hiện; những khó khăn, vướng mắc.

b) Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tại địa phương

- Kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trong đó, báo cáo rõ về ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai;

- Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh trong việc phân công, phối hợp thực hiện cải cách thủ tục hành chính của các ngành, các cấp.

c) Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức hoạt động của cơ quan quản lý đất đai và các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh

Kết quả thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức tổ chức, bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai; các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh. Trong đó, báo cáo cụ thể về tình hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm phát triển quỹ đất, Văn phòng đăng ký đất đai; năng lực của từng đơn vị trong việc đáp ứng nhiệm vụ được phân công; sự phối hợp giữa các đơn vị này với UBND các huyện, thị xã, thành phố;

d) Những tồn tại hạn chế, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế.

II. Đánh giá chung và những đề xuất, kiến nghị

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được; những khó khăn, hạn chế, những bất cập và những nguyên nhân trong công tác quản lý nhà nước về đất đai

trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục khó khăn, hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

III. Thực hiện 10 phụ lục số liệu kèm theo (phụ lục 1 đến phụ lục 10).



**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THỊ XÃ,
TRƯỜNG ĐƠN VỊ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI**
*kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện một số nội dung quản lý Nhà
nhà nước về đất đai**

1. Công tác triển khai, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai

a) Việc triển khai, tổ chức thi hành Luật đất đai năm 2013

- UBND huyện (thị xã, thành phố) đã ban hành bao nhiêu văn bản theo thẩm quyền để triển khai thực hiện những nội dung quản lý đất đai (có phụ lục cụ thể danh mục văn bản đã ban hành);

- Đánh giá kết quả, nhận xét việc thực hiện các văn bản nêu trên.

b) Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về đất đai

Kết quả tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đất đai của Trung ương và của tỉnh. Nêu rõ hình thức triển khai, số lần tập huấn, thời điểm tập huấn, các đối tượng được triển khai.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước về đất đai

a) Công tác lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a.1. Kết quả thực hiện của việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Trong đó cần nêu rõ:

- Kết quả lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật đất đai năm 2013;

- Việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm ở cấp huyện;

- Kết quả lập danh mục dự án, công trình thu hồi đất đã thực hiện trong các năm 2015, 2016, 2017;

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm (chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu chuyển mục đích và danh mục dự án, công trình thu hồi đất theo kế hoạch hàng năm được duyệt) từ ngày 01/7/2014 đến nay;

- Kết quả thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, hủy bỏ các dự án, công trình đã quá 3 năm nhưng chưa thực hiện ở địa phương theo quy định của Luật Đất đai năm 2013;

- Thực trạng tình hình các dự án khu dân cư do doanh nghiệp, tư nhân đầu tư nhưng triển khai chậm tiến độ trên địa bàn (dự án, diện tích, tiến độ thực hiện đến nay/tiến độ của dự án, nguyên nhân);

- Thực trạng đất nông nghiệp bỏ hoang, không canh tác trên địa bàn (diện tích, nguyên nhân);

- Kết quả việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

a.2. Đánh giá tình hình thực hiện: Cần đánh giá những mặt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trong đó chú trọng đánh giá về các nội dung sau đây:

- Chấp hành quy định trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm (tiên độ, quy trình thực hiện; việc lấy ý kiến nhân dân);
- Về tính thống nhất của các chỉ tiêu kế hoạch so với quy hoạch sử dụng đất; về tính thống nhất của các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất so với cấp trên;
- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt (số lượng dự án và diện tích chuyên mục đích sử dụng đất thực tế đã thực hiện so với quy hoạch, kế hoạch). Qua đó, nhận xét về tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Về công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt.
- b) Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất
 - Kết quả giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân: Số lượng hồ sơ, diện tích, mục đích được giao đất, cho thuê đất, chi tiết từng địa bàn cấp xã;
 - Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân: Số lượng hồ sơ, diện tích, mục đích sử dụng đất, chi tiết từng địa bàn cấp xã;
 - Kết quả thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án: Số lượng công trình, dự án; diện tích đất thu hồi, loại đất bị thu hồi;
 - Kết quả thu hồi đất do vi phạm Luật đất đai: Số trường hợp, hình thức vi phạm pháp luật đất đai, diện tích đất thu hồi;
 - Việc chấp hành các quy định về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân;
 - Đánh giá tình hình thực hiện: Những mặt làm được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.
- c) Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất
 - Tình hình thực hiện và kết quả đạt được của việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013: số lượng dự án, công trình; diện tích đất thu hồi theo quyết định; diện tích đất đã thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;
 - Đánh giá những mặt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.
- d) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai
 - Tình hình thực hiện và kết quả đạt được của hoạt động thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng đất đai đã thực hiện theo Luật đất đai năm 2013 (tính từ 01/7/2014 đến nay). Trong đó cần nêu rõ: Nội dung thanh tra, kiểm tra; số đợt thanh tra, kiểm tra; số tổ chức được thanh tra, kiểm tra; số tổ chức có vi phạm; mức độ vi phạm theo từng loại hành vi;
 - Kết quả giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai;
 - Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai;
 - Đánh giá những mặt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

đ) Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đai

- Kết quả giải quyết tranh chấp đất đai: Số lượng đơn tiếp nhận, số đơn đã giải quyết xong; số đơn đang giải quyết; số đơn chưa giải quyết;

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai: Số lượng đơn tiếp nhận, số đơn đã giải quyết xong; số đơn đang giải quyết; số đơn chưa giải quyết;

- Báo cáo rõ về các trường hợp tranh chấp, khiếu nại, tố cáo phức tạp, giải quyết chưa xong.

3. Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai

a) Về đăng ký, lập hồ sơ địa chính; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

- Báo cáo về tình hình thực hiện quy định đăng ký đất đai bắt buộc;

- Về số lượng hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay;

- Đánh giá kết quả thực hiện; những khó khăn, vướng mắc.

b) Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tại địa phương

- Báo cáo một số nội dung đã thực hiện phục vụ công tác cải cách thủ tục hành chính theo thẩm quyền (nêu rõ loại thủ tục hành chính về đất đai đã thực hiện, thời gian thực hiện, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ, thành phần hồ sơ, kết quả đạt được so với quy định);

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai;

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc phối hợp thực hiện cách thủ tục hành chính;

- Đánh giá tình hình thực hiện.

c) Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức hoạt động của cơ quan quản lý đất đai và các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai

- Báo cáo chung về tổ chức, bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai (cấp huyện, xã);

- Báo cáo về số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*số lượng cán bộ, công chức cấp huyện làm công tác quản lý đất đai; số lượng công chức địa chính xã*);

- Đánh giá, nhận xét về chất lượng hoạt động của các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn.

II. Đánh giá chung và những đề xuất, kiến nghị

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được; những khó khăn, hạn chế, những bất cập và những nguyên nhân trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện (thị xã, thành phố) trong thời gian qua.

2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục khó khăn, hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn địa bàn huyện (thị xã,

thành phố) trong thời gian tới.

III. Thực hiện 09 phụ lục số liệu kèm theo (phụ lục 11 đến phụ lục 19)./.



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI

*kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 29 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh*

I. Kết quả thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai

1. Các hình thức, nội dung trong công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về đất đai trên địa bàn xã (phường, thị trấn). Đánh giá kết quả công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về đất đai.

2. Kết quả việc áp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt trong công tác quản lý đất đai tại địa phương.

3. Công tác quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã (phường, thị trấn).

4. Trách nhiệm của xã (phường, thị trấn) trong việc phối hợp cùng các cơ quan có thẩm quyền trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án.

5. Kết quả thực hiện nội dung đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã (phường, thị trấn).

6. Việc phối hợp trong công tác thống kê, kiểm kê đất đai theo định kỳ.

7. Báo cáo nội dung về quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất (việc chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới).

8. Kết quả của việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sử dụng đất.

9. Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đai

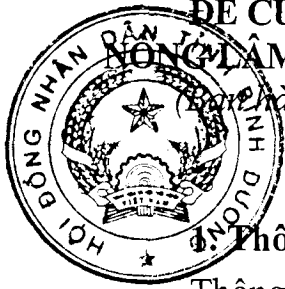
- Kết quả giải quyết tranh chấp đất đai: số lượng đơn tiếp nhận, số đơn đã giải quyết xong; số đơn đang giải quyết; số đơn chưa giải quyết;

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo đất đai: số lượng đơn tiếp nhận, số đơn đã giải quyết xong; số đơn đang giải quyết; số đơn chưa giải quyết.

II. Đánh giá chung và những đề xuất, kiến nghị

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được; những khó khăn, hạn chế, những bất cập và những nguyên nhân trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã (phường, thị trấn) trong thời gian qua.

2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục khó khăn, hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã (phường, thị trấn) trong thời gian tới./.



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, NÔNG LÂM TRƯỜNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI

(Được ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về tư cách pháp nhân

Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, Quyết định thành lập (qua từng thời kỳ thay đổi).

2. Thông tin về đất đai đang quản lý, sử dụng: Các thông tin cụ thể về:

- Quyết định giao đất (thuê đất) và Quyết định phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Hợp đồng thuê đất và Phụ lục Hợp đồng thuê đất (nếu thuộc trường hợp được thuê đất);
- Dự án đầu tư;
- Giấy phép xây dựng, Giấy chứng nhận sở hữu công trình;
- Bản đồ địa chính khu đất hoặc Bản trích lục khu đất;
- Các giấy tờ khác có liên quan về việc quản lý, sử dụng đất.

3. Về quản lý, sử dụng đất đai

- Tổng diện tích đất đang quản lý, tình hình tăng giảm diện tích đất thuộc trách nhiệm quản lý của Đơn vị sau khi được giao, thuê. Xác định diện tích đất bị lấn, chiếm, chuyển nhượng, giao đất trái thẩm quyền (nếu có);
- Các hình thức giao khoán đã thực hiện và diện tích kèm theo (nếu có);
- Việc liên doanh, liên kết, góp vốn với đơn vị khác để sử dụng đất cho thuê, cho mượn đất (nếu có);
- Hiện trạng sử dụng đất so với giấy phép xây dựng, sở hữu công trình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (xác định diện tích đang sử dụng đúng mục đích, không đúng mục đích);
- Đối với các Doanh nghiệp Nhà nước đã và đang trong quá trình cổ phần hóa: báo cáo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Doanh nghiệp. các Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa báo cáo thêm về so sánh giữa thực trạng của việc quản lý, sử dụng đất đến nay với phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

4. Các nghĩa vụ đối với nhà nước: Kết quả việc nộp các khoản thuế, phí và các khoản khác đã thực hiện đối với địa phương.

II. Những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị

1. Nêu những nguyên nhân tồn tại, hạn chế, bất cập cũng như những khó khăn vướng mắc trong quá trình quản lý, sử dụng đất được giao, thuê.

2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình quản lý, sử dụng đất được giao, thuê trong thời gian tới./.



Phụ lục 1

DANH SÁCH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI THEO THẨM QUYỀN ĐƯỢC GIAO

(Ban hành kèm theo Thông báo số 53 /TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Số Văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Tên văn bản	Cơ quan ban hành
1				
2				
3				
...				

Phụ lục 2



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ CỦA TỈNH**
(Ban hành kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **28** tháng **7** năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên văn bản triển khai, tập huấn	Hình thức triển khai	Số lần triển khai	Số lượt người được triển khai	Đối tượng triển khai	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						

Phụ lục 3

KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đính kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **28** tháng **7** năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Chỉ tiêu năm 2015		Chỉ tiêu năm 2020	
			Trung ương phân bổ	Chính phủ phê duyệt	Trung ương phân bổ	Chính phủ phê duyệt
	Tổng diện tích					
1	Đất nông nghiệp	NNP				
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)</i>					
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.7	Các loại đất NN còn lại					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN				
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS				
2.2	Đất quốc phòng	CQP				
2.3	Đất an ninh	CAN				
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK				
	- Đất xây dựng khu công nghiệp	SKK				
	- Đất xây dựng cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.6	Đất di tích danh thắng	DDT				
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải (trong đó có đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại)	DRA				
2.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN				
2.9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD				
2.10	Đất phát triển hạ tầng	DHT				
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH				
-	Đất cơ sở y tế	DYT				
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD				
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT				
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.12	Các loại đất PNN còn lại					
3	Đất chưa sử dụng	CSD				
3.1	Đất chưa sử dụng còn lại					
3.2	Diện tích đưa vào sử dụng					
**	CÁC CHỈ TIÊU TRUNG GIAN					
4	Đất đô thị	DTD				
5	Đất khu bảo tồn thiên nhiên	DBT				
6	Đất khu du lịch	DDL				



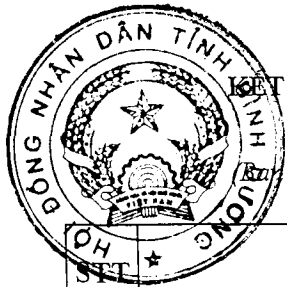
Phụ lục 4

BIỂU QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA NĂM 2017 TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số 53 /TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

Năm	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích theo Kế hoạch phê duyệt (ha)	Diện tích thực hiện (ha)	Chênh lệch (ha)	Chuyển sang năm sau	Loại bỏ
2015	A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH					
	1						
	2						
	3						
	B	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA					
	1						
	2						
	3						
	C	CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG					
	1						
	2						
	3						
	D	CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH					
	1						
	2						
3							
	Đ	CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN THỦ TƯỚNG					
	1						
	2						
	3						
	Tổng cộng						
	A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH					
	1						
	2						
	3						
	B	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA					
	1						

2016	2							
	3							
	C	CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG						
	1							
	2							
	3							
	D	CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH						
	1							
	2							
	3							
	Đ	CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN THỦ TƯỚNG						
	1							
2								
3								
	Tổng cộng							
2017	A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH						
	1							
	2							
	3							
	B	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA						
	1							
	2							
	3							
	C	CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG						
	1							
	2							
	3							
	D	CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH						
	1							
	2							
	3							
	Đ	CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN THỦ TƯỚNG						
	1							
	2							
	3							
		Tổng cộng						



Phụ lục 5

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Thực hành kèm theo Thông báo số 53 /TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

SST	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.5	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	
2.8	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	



Phụ lục 7

PHỤ LỤC 7: HỢP KẾT QUẢ THU HỒI ĐẤT CỦA TỔ CHỨC DO VI PHẠM LUẬT ĐẤT ĐAI

(Từ 01/7/2014 đến ngày 31/12/2017)

Được ban hành kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **29** tháng **7** năm 2017 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Lý do thu hồi do vi phạm	Số trường hợp	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Tổng số			
1	Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
2	Sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất không có hiệu quả <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
3	Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
4	Đất được giao không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
5	Đất bị lấn, chiếm <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
6	Cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
7	Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
8	Người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
9	Đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết thời hạn <i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
10	Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn mười tám tháng liền; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn hai mươi bốn tháng liền			

	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
11	Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn hai mươi bốn tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất đó cho phép			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			



Phụ lục 8

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **28** tháng **7** năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Tên đơn vị chủ trì thanh, kiểm tra	Số lượng tổ chức được thanh, kiểm tra	Số tổ chức vi phạm	Mức độ vi phạm	Kết quả xử lý vi phạm	Số tiền phạt	Ghi chú
I	THEO KẾ HOẠCH NĂM							
1	Năm 2015							
2	Năm 2016							
3	Năm 2017							
II	ĐỘT XUẤT							
1	Năm 2015							
2	Năm 2016							
3	Năm 2017							
	TỔNG							

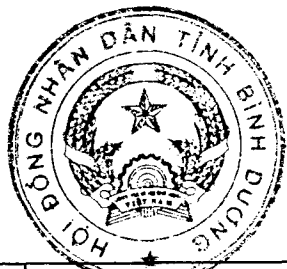
Phụ lục 10

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN UBND HUYỆN,
THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **28** tháng **7** năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Các thủ tục hành chính về đất đai đã thực hiện	Thời gian thực hiện	Số lượng hồ sơ	Thành phần hồ sơ	Kết quả đạt được so với quy định	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
...						



Phụ lục 11

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ CỦA TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 53 /TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên văn bản triển khai, tập huấn	Hình thức triển khai	Số lần triển khai	Số lượt người được triển khai	Đối tượng triển khai	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
...						



Phụ lục 12

KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN/THỊ XÃ/ THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **28** tháng **7** năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Chỉ tiêu năm 2015		Chỉ tiêu năm 2020	
		Tình phân bổ	Diện tích được phê duyệt	Tình phân bổ	Diện tích được phê duyệt
Tổng diện tích					
1 Đất nông nghiệp	NNP				
<i>Trong đó:</i>					
1.1 Đất trồng lúa	LUA				
-					
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)</i>					
1.2 Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.3 Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.4 Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5 Đất rừng sản xuất	RSX				
1.6 Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.7 Các loại đất NN còn lại					
2 Đất phi nông nghiệp	PNN				
<i>Trong đó:</i>					
2.1 Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS				
2.2 Đất quốc phòng	CQP				
2.3 Đất an ninh	CAN				
2.4 Đất khu công nghiệp	SKK				
- Đất xây dựng khu công nghiệp	SKK				
- Đất xây dựng cụm công nghiệp	SKN				
2.5 Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.6 Đất di tích danh thắng	DDT				
2.7 Đất bãi thải, xử lý chất thải (trong đó có đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại)	DRA				
2.8 Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN				
2.9 Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD				
2.10 Đất phát triển hạ tầng	DHT				
<i>Trong đó:</i>					
- Đất cơ sở văn hoá	DVH				
- Đất cơ sở y tế	DYT				
- Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD				
- Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT				
2.11 Đất ở tại đô thị	ODT				
2.12 Các loại đất PNN còn lại					
3 Đất chưa sử dụng	CSD				
3.1 Đất chưa sử dụng còn lại					
3.2 Diện tích đưa vào sử dụng					
** CÁC CHỈ TIÊU TRUNG GIAN					
4 Đất đô thị	DTD				
5 Đất khu bảo tồn thiên nhiên	DBT				
6 Đất khu du lịch	DDL				



Phụ lục 13

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA NĂM 2015, 2016, 2017
HUYỆN/THỊ XÃ/ THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 53 /TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

Năm	STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Xã/ phường/ thị trấn	Diện tích theo Kế hoạch phê duyệt (ha)	Diện tích thực hiện (ha)	Chênh lệch (ha)	Chuyển sang năm sau	Loại bỏ
2015	A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH						
	1							
	2							
	3							
	B	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA						
	1							
	2							
	3							
	C	CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG						
	1							
	2							
	3							
	D	CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH						
	1							
	2							
	3							
	Đ	CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN THỦ TƯỚNG						
	1							
	2							
	3							
	Tổng cộng							
	A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH						
	1							
	2							
	3							
	B	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA						
	1							
	2							
	3							
	C	CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG						

2016	1						
	2						
	3						
	D	CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH					
	1						
	2						
	3						
	Đ	CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN THỦ TƯỚNG					
	1						
	2						
3							
	Tổng cộng						
2017	A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH					
	1						
	2						
	3						
	B	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA					
	1						
	2						
	3						
	C	CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG					
	1						
	2						
	3						
	D	CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH					
	1						
	2						
	3						
	Đ	CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN THỦ TƯỚNG					
	1						
	2						
	3						
	Tổng cộng						

Phụ lục 14

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN

(Tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2017)

phụ kèm theo Thông báo số **53** /TB-ĐGS ngày **28** tháng **7** năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.5	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	
2.8	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	

Phụ lục 16

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HỒI ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN DO VI PHẠM
LUẬT ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/ THỊ XÃ/ THÀNH PHỐ

(Từ 01/7/2014 đến ngày 31/12/2017)

Được ban hành kèm theo Thông báo số 53 /TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh



STT	Lý do thu hồi do vi phạm	Số trường hợp	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Tổng số			
1	Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
2	Sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất không có hiệu quả			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
3	Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
4	Đất được giao không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
5	Đất bị lấn, chiếm			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
6	Cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
7	Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
8	Người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
9	Đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết thời hạn			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
10	Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn mười tám tháng liền; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn hai mươi bốn tháng liền			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			
11	Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn hai mươi bốn tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất đó cho phép			
	<i>Chi tiết từng tổ chức:</i>			

Phụ lục 17

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/ THỊ XÃ/ THÀNH PHỐ



(Ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Tên đơn vị chủ trì thanh, kiểm tra	Số lượng tổ chức được thanh, kiểm tra	Số tổ chức vi phạm	Mức độ vi phạm	Kết quả xử lý vi phạm	Số tiền phạt	Ghi chú
I	THEO KẾ HOẠCH NĂM							
1	Năm 2015							
2	Năm 2016							
3	Năm 2017							
II	ĐỘT XUẤT							
1	Năm 2015							
2	Năm 2016							
3	Năm 2017							
	TỔNG							

